

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG
NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BQL

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hệ thống năng lượng tại Việt Nam tại Văn bản số 01/CV-SPS ngày 11/01/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: “Công ty TNHH Hệ thống năng lượng tại Việt Nam – xây dựng lại nhà xưởng GĐ1” tại Lô 13, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (gọi tắt là Dự án);

Theo đề nghị của phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tại Tờ trình số 31/TTr-TNMT ngày 23/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hệ thống năng lượng tại Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: Lô 13, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: “Công ty TNHH Hệ thống năng lượng tại Việt Nam – Xây dựng lại nhà xưởng GĐ1” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Công ty TNHH Hệ thống năng lượng tại Việt Nam – Xây dựng lại nhà xưởng GD1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 13, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 2500240275, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/04/2022, nơi cấp: phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 2500240275

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất linh kiện điện, điện tử, đồ dùng trẻ em, máy tập thể thao.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng mức đầu tư: 162.188.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai tỷ một trăm tám mươi tám triệu đồng Việt Nam*).

- Diện tích thuê nhà xưởng: 40.932m²

- Công suất:

+ Đèn đầu xe (head lamp): 45.625 cái/năm

+ Đèn phanh (stop light): 91.250 cái/năm

+ Công tơ mét (speedometer): 26.280 cái/năm

+ Dây điện trong xe máy (wire harness): 108.000 cái/năm

+ Phao xăng (fuel level sender): 36.500 cái/năm

+ Túi xách, vali, ba lô, ví, yên đệm: 20.000 cái/năm

+ Xe đẩy các loại dùng cho trẻ em và trẻ sơ sinh: 100.000 cái/năm

+ Linh kiện điện tử: 10.000 cái/năm

+ Máy thể thao: 45.000 cái/năm

+ Sản xuất, gia công lắp ráp đồ dùng trẻ em: 490.000 sản phẩm/năm, tương đương 490 tấn/năm

+ Sản xuất, gia công lắp ráp ghế ăn dặm trẻ em: 490.000 sản phẩm/năm, tương đương 490 tấn/năm.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 9843346085 chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 16/3/2022, nơi cấp: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội).

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện đầu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hệ thống năng lượng tại Việt Nam – Xây dựng lại nhà xưởng GD1:

1. Có quyền, nghĩa vụ: Theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Mê Linh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND huyện Mê Linh;
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức;
- Công ty TNHH Hệ thống năng lượng tại Việt Nam;
- Lưu: VT, QLTNMT.

TRƯỞNG BAN

Lê Quang Long

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn thải số 1: Nước thải sinh hoạt (nước thải xí tiêu, nước từ bồn rửa, thoát sàn) của nhà xưởng xây mới (nhà xưởng F) với lưu lượng phát sinh tối đa 38m³/ngày.đêm.

+ Nguồn thải số 2: Nước thải sinh hoạt (nước thải xí tiêu, nước từ bồn rửa, thoát sàn) của tòa nhà văn phòng 3 tầng (Công ty TNHH Milestone đang thuê) với lưu lượng phát sinh tối đa 40m³/ngày.đêm.

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (đơn vị tiếp nhận, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nguồn thải số 1:

- Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn) → đường ống PVC D60 (L = 28m) → đường ống PVC D90 (L=60m) → đường ống PVC D110 (L=45m) → hố ga nước thải đặt bên ngoài tòa nhà → đường ống PVC D200 (L=320m) → hệ thống xử lý nước thải công suất 90 m³/ngày.đêm.

- Nước thải đen (từ các xí, tiêu) → đường ống PVC D125 (L=10m) → đường ống D140 (L=35m) → bể tự hoại xây ngầm dưới tòa nhà văn phòng (01

bể, kết cấu 3 ngăn và có $V = 60 \text{ m}^3$) để xử lý sơ bộ → hố ga nước thải bên ngoài tòa nhà → đường ống PVC D200 (L=320m) → hệ thống xử lý nước thải công suất 90 m³/ngày. đêm.

Nguồn thải số 2:

- Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn) → ống nhựa PVC D60 (L=108m) → đường ống PVC D90 (L=100m) → đường ống PVC D110 (L=35m) → hố ga nước thải bên ngoài tòa nhà → đường ống PVC D200 (L=258m) → hệ thống xử lý nước thải công suất 90 m³/ngày.đêm.

- Nước thải đen (từ các xí, tiểu) → đường ống PVC D125 (L=15m) → đường ống PVC D140 (L=25m) → bể tự hoại xây ngầm dưới nhà xưởng (02 bể, mỗi bể kết cấu 3 ngăn, và có $V = 25 \text{ m}^3$) để xử lý sơ bộ → hố ga nước thải bên ngoài tòa nhà → đường ống PVC D200 (L=258m) → hệ thống xử lý nước thải công suất 90 m³/ngày. đêm.

Toàn bộ nước thải tại 2 nguồn được thu gom theo hệ thống nhựa kín đưa về hệ thống xử lý nước thải của dự án với công suất thiết kế 90m³/ngày.đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Quang Minh, sau đó được bơm xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để tiếp tục được xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 6.000m³/ngày đêm. (Tọa độ điểm đầu nối: X=2 343 112; Y=580 489 (Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải công suất 90m³/ngày đêm:

+ Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải tập trung KCN Quang Minh.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Metanol, ri mật đường, Javen.

+ Công suất thiết kế: 90m³/ngày đêm.

1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy,... để thay thế khi cần thiết.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố không vận hành được hệ thống xử lý, Nhà máy sẽ dừng hoạt động nhằm đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường

trong quá trình sản xuất. Sau khi sự cố được khắc phục và bảo đảm hiệu quả xử lý nhà máy mới đi vào hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Dự kiến từ tháng 07/2025 đến tháng 09/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 90 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Tại đầu vào: Bể điều hòa.

- Tại đầu ra: Nước thải sau xử lý của hệ thống.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số:

- Thông số quan trắc: Theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải giữa Chủ dự án và Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức.

- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải giữa Chủ dự án và Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức (đơn vị tiếp nhận, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh).

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh để tiếp tục xử lý.

3.3. Không được phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải trong quá trình sản xuất.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ

thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.5. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.6. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.7. Chủ dự án đầu tư phải gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình hệ thống xử lý nước thải của dự án cho Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

3.8. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội theo quy định.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG VỀ CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn thải số 1: Khí thải phát sinh từ các máy ép nhựa của quy trình sản xuất lắp ráp các loại đèn Led và các loại thiết bị chiếu sáng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Khí thải từ nguồn thải số 1 được xử lý qua 01 tháp hấp phụ sau đó thoát ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí trên mái nhà xưởng.

- Dòng thải: Khí thải sau xử lý hệ thống xử lý khí thải nguồn thải số 1.

- Vị trí xả khí thải: X (m)=2 343 213 , Y(m)= 580 491.

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 105⁰, múi chiều 3⁰)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.000 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	15.000	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	Toluen	mg/Nm ³	750		
3	Xylene	mg/Nm ³	870		
4	Ethylene	mg/Nm ³	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ 10 máy ép nhựa của quy trình sản xuất, lắp ráp các loại đèn Led và các loại thiết bị chiếu sáng → Chụp hút (10 chụp hút tại 10 máy ép nhựa) → Ống dẫn khí (D = 600mm) → Quạt hút (công suất 15Kw/h) → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp hấp phụ → Ống thoát khí → Thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế của quạt: 15 Kw/h

- Số lượng: 01 quạt.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Thời điểm dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 7/2025 đến tháng 9/2025

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải từ nguồn thải số 1.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý khí thải của dự án.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Chủ dự án đầu tư phải gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của dự án cho Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế

xuất Hà Nội trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát.

3.6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội theo quy định.

3.7. Bố trí điểm lấy mẫu quan trắc khí thải sau xử lý, sàn công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đảm bảo yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG VỀ CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn số 1: Khu vực sản xuất (tại khu vực sản xuất khuôn mẫu).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí nguồn số 1: Toạ độ X= 2343203; Y= 580488

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực sản xuất

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực sản xuất

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

1.2. Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm
2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	5
2	Bao bì cứng bằng kim loại thải dính thành phần nguy hại	18 01 02	200
3	Bao bì cứng bằng nhựa thải dính thành phần nguy hại	18 01 03	80
4	Bao bì mềm thải có thành phần nguy hại	18 01 01	80
5	Dầu thải	17 02 03	120
6	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	240
7	Than hoạt tính sau xử lý khí thải	12 01 04	500
8	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
9	Bụi chứa kim loại	07 03 13	60
10	Đầu mẫu que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	28,4
11	Linh kiện điện tử thải	190206	5
Tổng khối lượng			1.323,4

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

ST T	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Bao bì đựng nguyên liệu (giấy), giấy thải – Bìa carton	kg/năm	2.996
2	Nilon (màng chít)	kg/năm	530
3	Vỏ dây điện	kg/năm	8.000

4	Cuộn băng keo	kg/năm	500
5	Vải vụn	kg/năm	100.008,4
6	Sản phẩm lỗi/nguyên vật liệu không đạt yêu cầu	kg/năm	750
7	Dây đồng	kg/năm	2.000
8	Đinh thái, vít thái	kg/năm	25
9	Bùn thải từ trạm xử lý nước thải	kg/năm	3.112,2
10	Bùn từ bể tự hoại	kg/năm	13.572
11	Bùn cặn từ các hố ga	kg/năm	500
Tổng cộng			131.993,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình:

- Rác thải 486 kg/ngày tương đương 151.632 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 60 lít có nắp đậy và dán biển tên mã chất thải nguy hại tương ứng để phân loại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa/khu vực kho lưu chứa: 12 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kết cấu sàn bê tông, tường gạch kết hợp tôn, mái lợp tôn chống nóng có cửa ra vào, đảm bảo đúng yêu cầu theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT và nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy dung tích 20 lít/thùng. Hàng ngày, thu gom rác thải từ các thùng chứa về kho lưu giữ.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 20 m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kết cấu sàn bê tông, tường gạch kết hợp tôn, mái lợp tôn chống nóng có cửa ra vào.

2.2.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 60lít/thùng và 240lít/thùng. Thùng có 2 màu để phân loại rác và hàng ngày có

đơn vị đến vận chuyển theo hợp đồng.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 3 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa có mái che; kết cấu sàn bê tông, tường gạch kết hợp tôn, mái lợp tôn chống nóng có cửa ra vào.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của Dự án thường xuyên.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống xử lý chất thải.

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Đấu nối và xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu quy định của Khu công nghiệp Quang Minh.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).
8. Thực hiện việc cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

